

Số: 25/2023/QĐST-DS

P, ngày 08 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 31 tháng 07 năm 2023; về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2023;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần (TMCP) B;
Địa chỉ: 109 T, phường C, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Thu T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh tỉnh Phú Yên (theo quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017 của Tổng giám đốc và giấy ủy quyền số 22/2023/GUQ-LPB.PY ngày 01/4/2023 của Giám đốc chi nhánh tỉnh Phú Yên).

Địa chỉ: 197-199 đường H, phường 5, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1974; Ông Lê Khắc T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Thị Ngọc H, Lê Khắc T cùng thống nhất xác định, bị đơn có vay 03 khoản của ngân hàng TMCP B và thế chấp tài sản như sau:

Khoản nợ thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số HHTD60020210245 ký ngày 30/01/2021, vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng. Tính đến ngày 21/7/2023 bị đơn còn nợ số tiền 39.936.164 đồng (trong đó gốc 39.680.000 đồng, lãi 256.164 đồng).

Khoản thứ hai: Hợp đồng tín dụng số HDTĐ60020210739 ký ngày 01/4/2021 vay số tiền 300.000.00 đồng, mục đích vay vốn tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 72 tháng. Tính đến ngày 21/7/2023 bị đơn còn nợ số tiền 187.564.712 đồng (trong đó gốc 187.491.000 đồng, lãi 73.712 đồng)

Khoản thứ ba: Cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 21/7/2023 bị đơn còn nợ số tiền 6.400.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay tại ngân hàng TMCP B, bị đơn thế chấp tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1248, tờ bản đồ 278D, diện tích 122m², tọa lạc thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo hợp đồng thế chấp số HDDTC60020210080 ngày 01/4/2021.

Tổng cộng 03 khoản, cả gốc và lãi hiện nay bị đơn còn nợ của ngân hàng là 233.900.876 đồng (trong đó gốc 227.171.000 đồng, lãi 329.876 đồng), tính đến ngày 21/7/2023.

2.2 Về nghĩa vụ thanh toán, phương thức thanh toán:

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H, ông Lê Khắc T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 11.000.000 đồng/tháng bao gồm cả gốc và lãi cho cả 03 khoản nợ, cho đến khi hết nợ.

Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ hàng tháng thì ngân hàng được quyền yêu cầu thi hành án một lần trên tổng số tiền nợ còn lại và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 1248, tờ bản đồ 278D, diện tích 122m², tọa lạc thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo hợp đồng thế chấp số HDDTC60020210080 ngày 01/4/2021 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày 22/7/2023, bị đơn chưa thi hành xong nghĩa vụ trả nợ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Về án phí: Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP B số tiền 6.694.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0009452 ngày 25/4/2023 của chi cục THADS huyện Phú Hòa. Bị đơn phải chịu tiền án phí DSST là 5.848.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn vợ chồng ông Lê Khắc T, bà Huỳnh Thị Ngọc H tự nguyện chịu tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ. Bị đơn phải có nghĩa vụ nộp hoàn lại số tiền 1.400.000 đồng cho nguyên đơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền